

Quản trị toàn cầu và vận dụng của Việt Nam

Mai Thị Hồng Tâm*

Nhận ngày 6 tháng 10 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 1 tháng 2 năm 2022.

Tóm tắt: Trong một thế giới đầy biến động ngày nay, quản trị toàn cầu được hy vọng là cầu nối để các quốc gia có thể kết nối, phối hợp linh hoạt và sẵn sàng hành động để cùng nhau xử lý các vấn đề toàn cầu, vượt qua thách thức, đồng thời xây dựng môi trường quốc tế hòa bình ổn định. Bài viết cung cấp nền tảng lý thuyết với những cách tiếp cận khoa học khác nhau để hiểu về quản trị toàn cầu, nhận định về thực trạng của quản trị toàn cầu hiện nay và xu hướng trong thời gian tới, đồng thời phân tích những yêu cầu đặt ra với Việt Nam nhằm thực hiện mục tiêu tham gia vào nền quản trị toàn cầu. Những đối sách được đề xuất đưa ra trong bài viết được dựa trên nhận thức, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và yêu cầu thực hiện đối với nhiều ngành, lĩnh vực và chủ thể khác nhau để đảm bảo tối đa hóa lợi ích quốc gia của Việt Nam trong hội nhập quốc tế nói chung và tham gia quản trị toàn cầu nói riêng.

Từ khóa: Quản trị toàn cầu, an ninh phi truyền thống, vận dụng của Việt Nam.

Phân loại ngành: Kinh tế học

Abstract: In today's volatile world, global governance is hoped to be a bridge so that countries can connect, coordinate flexibly, and be ready to act to deal with global issues together, overcome challenges, and at the same time build a peaceful and stable international environment. The article provides a theoretical foundation with different scientific approaches to understand global governance, comments on the current state of global governance and future trends, and at the same time analyzes the requirements set for Vietnam in order to realise the goal of participating in global governance. The proposed countermeasures in the article are based on the awareness and direction of the Party, State and Government and the implementation requirements of many different industries, fields and subjects to ensure maximum efficiency of Vietnam's national interests in international integration in general, and participation in global governance in particular.

Keywords: Global governance, non-traditional security, application of Vietnam.

Subject classification: Economics

* Học viện Ngoại giao.
Email: tmai2014@fau.edu

1. Mở đầu

Đại dịch Covid-19 đã bộc lộ yếu kém của các tổ chức đa phương cũng như những yếu kém trong quản trị toàn cầu, đe dọa sự phát triển bền vững của xã hội. Đại dịch là minh chứng rõ ràng cho những hậu quả toàn diện và lâu dài mà các thách thức phi truyền thống gây ra đối với thế giới. Các vấn đề an ninh phi truyền thống (ANPTT) có những diễn biến phức tạp hơn, đòi hỏi quản trị toàn cầu cần có những thay đổi để đưa ra biện pháp ứng phó với tốc độ và quy mô lớn hơn hẳn giai đoạn trước.

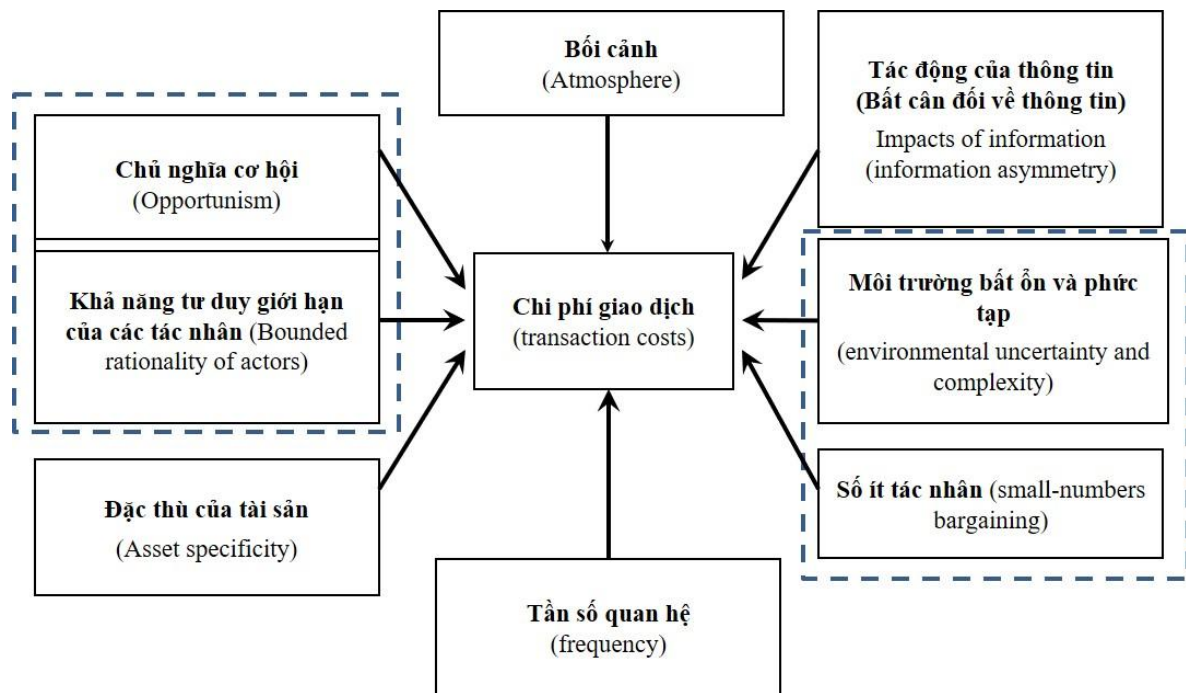
Những thách thức của quản trị toàn cầu đã, đang và sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới các nước, trong đó có Việt Nam như: biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, an ninh năng lượng... Cùng cố hệ thống quản trị toàn cầu trên cơ sở luật pháp quốc tế là điều mà các quốc gia cần nỗ lực hợp tác để thực hiện. Cùng với các quốc gia khác, Việt Nam đã đang và sẽ tích cực đóng góp để xây dựng những luật lệ và thể chế quản trị toàn cầu với cam kết tham gia các nỗ lực toàn cầu để ứng phó với những thách thức chung. Đây chính là lý do việc nghiên cứu về quản trị toàn cầu trở nên bức thiết và Việt Nam cần hiểu rõ về thực trạng cũng như xu hướng tương lai của quản trị toàn cầu để đưa ra những đối sách phù hợp.

2. Lý thuyết về quản trị toàn cầu

Việc phân tích quản trị toàn cầu thường được dựa trên hệ thống các khái niệm lý thuyết của khoa học chính trị, quan hệ quốc tế, kinh tế. Theo Williamson (1987), Coase (1937), lý thuyết của quản trị toàn cầu được dựa trên môi trường thể chế (institutional environment) và những thỏa thuận thể chế hoặc các hợp đồng (institutional arrangements or contracts) (Grigoryev, L. & Kurdin, A., 2013). Môi trường thể chế chính là bối cảnh quốc tế còn “institution” - “thể chế” có thể được hiểu là các “quốc gia” tham gia vào môi trường quốc tế (Leonid Grigoryev Adrian Pabst Editors, 2020).

Quản trị toàn cầu cũng dựa trên học thuyết chi phí giao dịch cho rằng, nghiên cứu doanh nghiệp cần phải đặt trong mối tương quan so sánh giữa chi phí giao dịch nội bộ và giá trị tạo ra bên ngoài. Doanh nghiệp được coi là “một mạng lưới những hợp đồng giao dịch đặc thù” (Williamson, 1987; Coase, 1937). Về định nghĩa này, có thể coi doanh nghiệp có những điểm giống như một quốc gia và môi trường bên ngoài của doanh nghiệp cũng là một môi trường quốc tế; học thuyết chi phí giao dịch có thể giải thích tương đối rõ quản trị toàn cầu. Khi tham gia vào hệ thống quản trị toàn cầu, quốc gia luôn tính toán chi phí giao dịch, cụ thể là ở mức nào để quốc gia có thể chấp nhận được. Trong đó, các quốc gia phần nào đó cũng giống những doanh nghiệp, xác định chi phí giao dịch của quốc gia mình dựa trên các yếu tố: bối cảnh (atmosphere) là môi trường quan hệ, chủ nghĩa cơ hội (opportunism), khả năng tư duy giới hạn của các tác nhân (bounded rationality of actors), đặc thù của tài sản (asset specificity), tác động của thông tin hay bất cân đối về thông tin (impacts of information, information asymmetry), môi trường bất ổn và phức tạp (environmental uncertainty and complexity), số ít tác nhân (small-numbers bargaining). Tần số quan hệ (frequency) cũng tác động trực tiếp tới chi phí giao dịch của quốc gia.

Bảng 1: Học thuyết chi phí giao dịch - cơ sở của quản trị toàn cầu



Nguồn: Grigoryev, L. & Kurdin, A., 2013

Mô hình quản trị toàn cầu có thể được phân loại dựa trên 7 hình thức thỏa thuận sắp xếp thể chế (Grigoryev, L. & Kurdin, A., 2013):

a) Những quy định quốc tế dựa trên tổ chức có phương thức quản lý và nguồn lực độc lập. Ví dụ Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) quản trị những giao dịch quốc tế bằng cách thu thập và phân bổ ngân sách để đảm bảo sự ổn định về tài chính và ngăn chặn khủng hoảng tài chính trên thế giới.

b) Quy định quốc tế dựa trên tổ chức đóng vai trò cố vấn và trọng tài. Ví dụ: Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) là một tổ chức được trao quyền để thực hiện các quy định thương mại quốc tế và giải quyết những tranh chấp thương mại nhưng không thể trực tiếp ảnh hưởng tới luồng hàng hóa, dịch vụ và tài chính.

c) Những thỏa thuận sắp xếp quốc tế song hoặc đa phương bao gồm cả những cơ chế thực hiện mà không có người bảo lãnh chuyên trách. Ví dụ: những hiệp ước thương mại và đầu tư song phương hoặc các hiệp ước song phương lâu dài giữa các tập đoàn kể cả cơ chế thực thi đặc biệt, ngăn chặn sự phá vỡ các mối quan hệ trong thời gian dài.

d) Những hiệp định khuôn khổ quốc tế. Ví dụ: những hiệp định này bao gồm những thỏa thuận môi trường mà không có bắt buộc cụ thể nào, ngoài những rủi ro danh tiếng trong trường hợp không tuân thủ theo luật pháp.

e) Các tổ chức mạng lưới phi chính phủ của xã hội dân sự toàn cầu. Ví dụ: Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn thiên nhiên (WWF) có khả năng ảnh hưởng gián tiếp tới quá trình

hoạch định chính sách của các chính phủ và các tập đoàn nhưng lại không có quyền lực thực chất về nguồn lực và thiếu các quan chức chính thức.

f) Các tập đoàn, câu lạc bộ, các tổ chức quốc gia lâu dài và tạm thời, ảnh hưởng các mô hình hoạt động kinh tế toàn cầu. Ví dụ: Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) là một tổ chức không chịu sự ép buộc toàn cầu để điều tiết thị trường dầu quốc tế nhưng tổ chức này có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình đưa ra quyết định của chính phủ và các tập đoàn đóng vai trò đáng kể trong các nhân tố chính của thị trường toàn cầu.

g) Hoạt động tự duy trì bởi các công ty kinh tế phù hợp với quy định của quốc gia (trong đất nước) thiếu vắng các tổ chức quốc tế và cơ quan chuyên trách. Ví dụ: những thị trường có sự ràng buộc quốc tế tự do với sự tham gia của các tập đoàn và/ hoặc các nước với tư cách người bán và người mua.

Bằng cách phân tích việc phân loại trên theo thuật ngữ kinh tế chi phí giao dịch, chúng ta có thể phân loại A là mô hình quản trị theo thứ bậc, loại G là mô hình quản trị thị trường còn các mô hình khác là sự pha trộn (hybrid) các mô hình, được gọi là mô hình lai. Theo lý thuyết phân tích chi phí giao dịch, tính bất ổn có thể làm cho cơ chế quản trị lai trước đây không bền vững, sẽ có lúc cơ chế quản trị lai sẽ chuyển sang cơ chế quản trị thứ bậc hoặc cơ chế thị trường.

3. Khái niệm về quản trị toàn cầu

Quản trị toàn cầu là khái niệm chỉ các quy định về các mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau trong trường hợp thiếu vắng các tổ chức quyền lực trên quy mô toàn cầu (James N. Rosenau, 2005). Adil Najam thì cho rằng, quản trị toàn cầu là quản lý các quá trình toàn cầu trong trường hợp không có chính phủ toàn cầu (Saba Riazati, 2006). Quản trị toàn cầu là việc giải quyết các vấn đề không chỉ của Liên Hợp Quốc (UN) mà còn của các nước và các chủ thể phi nhà nước (Thomas G. Weiss). Pawel cho rằng, quản trị toàn cầu là việc các vấn đề tập thể của thế giới được giải quyết bởi các nhà nước, tổ chức liên chính phủ (IGOs), tổ chức phi chính phủ (NGOs), doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân, tổ chức của xã hội công dân và cá nhân một cách chính thức và phi chính thức trên cơ sở của luật pháp quốc tế (Pawel Zaleski, 2006). Diane Stone cho rằng, quản trị toàn cầu là sự phát triển của chính sách công cộng toàn cầu (Diane Stone, 2008). Có những tác giả thì lập luận rằng, quản trị toàn cầu là tập hợp các thể chế, các cơ chế, các quá trình, mối quan hệ chính thức và không chính thức giữa các nhà nước, các thị trường, các công dân và các tổ chức, thông qua đó các lợi ích tập thể có tính toàn cầu được khớp nối, các quyền và trách nhiệm được xác định, những sự khác biệt được hòa giải. Quản trị đề cập tới quản lý hoặc cơ quan hay tổ chức chính trị, nhà nước và các vấn đề kiểm soát quyền lực (Minh Quân, 2011).

Định nghĩa và cách tiếp cận về quản trị toàn cầu là đa dạng và nhiều chiều. Theo K. Benedict, quản trị toàn cầu là một trật tự có mục đích, xuất hiện từ các thể chế, quy trình, chuẩn mực, thỏa thuận chính thức và cơ chế không chính thức nhằm điều chỉnh hành động vì lợi ích chung (Benedict k., 2001). Alan Cafruny và Ksenia Kirkham cho rằng,

khái niệm quản trị toàn cầu là mơ hồ (Leonid Grigoryev Adrian Pabst Editors, 2020). Theo khái niệm của phương Tây, quản trị toàn cầu gắn liền với tiến trình toàn cầu hóa thể hiện quan điểm dân chủ, tự do và thúc đẩy sự gắn kết toàn cầu trong suy nghĩ của mọi người.

Theo Global Challenge Foundation, mục tiêu của quản trị toàn cầu là: i) cung cấp “hàng hóa” công cộng toàn cầu, đặc biệt là hòa bình và an ninh, công lý và hệ thống hòa giải cho xung đột, thị trường hoạt động và các tiêu chuẩn thống nhất cho thương mại và công nghiệp; ii) quản lý rủi ro thảm họa – bằng việc đưa ra các cơ chế thích hợp để giảm thiểu tối đa khả năng xảy ra rủi ro có thể cướp đi sinh mệnh trên khắp hành tinh hoặc thiệt hại ở mức độ tương đương (Global Challenges Foundation, 2021).

Tóm lại, quản trị toàn cầu là tổng thể các phương thức quản trị trên phạm vi toàn thế giới do các cơ chế quyền lực chính phủ, phi chính phủ, công cộng hoặc tư nhân tiến hành nhằm giải quyết những vấn đề có tính toàn cầu, duy trì trật tự chung đã được thỏa thuận và thừa nhận rộng rãi trên thế giới (Nguyễn Việt Thảo, 2007).

4. Đối sách của Việt Nam

4.1. Quản trị toàn cầu trong chủ trương, quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước

Cụm từ “Quản trị toàn cầu” lần đầu tiên được đề cập trong “Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021 - 2030”, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII (năm 2021), theo đó nhận định: “Đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó kiểm soát, gây ra suy thoái trầm trọng và khủng hoảng kinh tế toàn cầu, có khả năng kéo dài sang đầu thập niên 20; làm thay đổi sâu sắc trật tự, cấu trúc kinh tế, “phương thức quản trị toàn cầu”, cách thức hoạt động kinh tế và tổ chức đời sống xã hội của thế giới” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021a).

Với bản chất quản trị toàn cầu là hệ quả của toàn cầu hóa và tham gia quản trị toàn cầu chính là quá trình hội nhập quốc tế, là sự kết hợp sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế, ngay từ khi nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã chủ trương “làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai” (Hồ Chí Minh, 2011, t.5, tr.256). Tư tưởng này đã từng bước được cụ thể hóa trong các văn kiện của Đảng. Đại hội IX của Đảng (năm 2001) đã đề ra chủ trương: “Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2005, tr.664). Đại hội X của Đảng (năm 2006) tiến thêm một bước trong nhận thức và hành động hội nhập quốc tế; đề ra chủ trương: “Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2006, tr.112). Đại hội XI của Đảng (năm 2011), nhấn mạnh hội nhập quốc tế: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa,

đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011, tr.83-84).

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định 8 phương hướng cơ bản của cách mạng Việt Nam, trong đó có việc: “thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011, tr.235-236). Cương lĩnh đặt ra yêu cầu: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011, tr.235-236).

Ngày 10/4/2013, Bộ Chính trị khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TW “Về hội nhập quốc tế” đánh dấu một bước chuyển về tư duy đối ngoại với chủ trương: “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở giữ vững đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì hòa bình, hợp tác và phát triển, chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế”. Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, một trong những nhiệm vụ tổng quát được Đại hội đề ra là: “thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016, tr.34-35). Đại hội XII đề ra chủ trương: “Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế, xây dựng và triển khai chiến lược tham gia các khu vực mậu dịch tự do với các đối tác kinh tế, thương mại quan trọng, ký kết và thực hiện hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới trong một kế hoạch tổng thể với lộ trình hợp lý, phù hợp với lợi ích của đất nước... Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo và các lĩnh vực khác” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016, tr.155-156).

Nhằm tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, ngày 8/8/2018, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 25-CT/TW “Về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030”. Đây là văn bản chỉ đạo đầu tiên của Đảng về công tác đối ngoại đa phương của đất nước, trong đó xác định mục tiêu cho công tác đối ngoại đa phương thời gian tới là: “Nỗ lực vươn lên đóng vai trò nòng cốt, dẫn dắt hoặc hòa giải tại các diễn đàn, tổ chức đa phương có tầm quan trọng chiến lược đối với đất nước”, phù hợp với khả năng và điều kiện cụ thể của đất nước; vươn lên giữ vai trò quan trọng hơn tại các cơ chế đa phương then chốt sẽ góp phần nâng cao vị thế, tạo điều kiện cho Việt Nam có thể lồng ghép các ưu tiên, thúc đẩy những lợi ích của đất nước.

Báo cáo chính trị Đại hội XIII của Đảng đưa ra định hướng lớn bao quát những vấn đề phát triển quan trọng của đất nước trong giai đoạn 10 năm tới, trong đó: “Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động, tích cực

hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam. Đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế quốc tế, tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác. Nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế trước tác động tiêu cực từ những biến động của bên ngoài; chủ động hoàn thiện hệ thống phòng vệ để bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế. Thực hiện nhiều hình thức hội nhập kinh tế quốc tế với các lộ trình linh hoạt, phù hợp với điều kiện, mục tiêu của đất nước trong từng giai đoạn” (Nguyễn Phú Trọng, 2021).

Như vậy, từ Đại hội IX của Đảng đến nay, quan điểm của Đảng về “toàn cầu hóa” và “hội nhập quốc tế” ngày càng đầy đủ và đóng vai trò hết sức quan trọng, tạo hành lang pháp lý cho việc Việt Nam chủ động, tích cực tham gia và tối đa hóa lợi ích từ việc tham gia quản trị toàn cầu trên tinh thần “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”, “nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế”, “đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo và các lĩnh vực khác”.

4.2. Yêu cầu đặt ra đối với Việt Nam trong tham gia quản trị toàn cầu hiện nay

Cương lĩnh Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã đề ra những mục tiêu, tầm nhìn đến giữa thế kỷ XXI cho Việt Nam đó là: “phấn đấu đến năm 2030, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; có thể chế quản lý hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững, độc lập, tự chủ trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với nâng cao hiệu quả trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy sức sáng tạo, ý chí và sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng xã hội phồn vinh, dân chủ, công bằng, văn minh, trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Phấn đấu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021b, t.1, tr.217-218).

Đây cũng chính là yêu cầu đặt ra cho Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế cũng như tham gia quản trị toàn cầu, nhằm: phát triển quốc gia; khẳng định bản sắc quốc gia; giành vị thế xứng đáng cho quốc gia trong hệ thống; tham gia hoàn thiện và phát triển hệ thống. Quản trị toàn cầu phải được tiến hành với phương châm “đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt kịp thời”, “đổi mới, sáng tạo gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động”, “phát huy nội lực là yếu tố quyết định gắn với ngoại lực và sức mạnh thời đại”, “tập trung nâng cao năng lực, tận dụng thời cơ”, “tận dụng tối đa các cơ hội từ quá trình hội nhập mang lại”, “chủ động tham gia vào các liên kết kinh tế, chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị”, “phát huy tối đa lợi thế, bảo đảm phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu”, “phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021b, t.1, tr.214-215).

4.3. Cơ hội, thách thức cho Việt Nam khi tham gia quản trị toàn cầu hiện nay

4.3.1. Cơ hội

Vị thế, uy tín quốc tế, cơ đồ và tiềm lực của đất nước sau 35 năm đổi mới mà Việt Nam “chưa bao giờ có được” (Nguyễn Phú Trọng, 2020) như ngày nay, cùng với đó là tình hình chính trị và xã hội, kinh tế vĩ mô ổn định chính là động lực, cơ hội để Việt Nam đẩy mạnh tham gia quản trị toàn cầu.

Nếu như vào năm 1995, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) Việt Nam chỉ là 20,74 tỷ USD, đứng thứ 58 trên thế giới, sau 15 năm con số này đã gấp hơn 16 lần. Năm 2020, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, GDP Việt Nam khoảng 340 tỷ USD, đứng thứ 37 thế giới, thuộc cận trên của nhóm thu nhập trung bình thấp. Đến năm 2045, với giả định Việt Nam có thể đạt mức tăng trưởng 7%/năm giai đoạn 2021 - 2045, quy mô nền kinh tế khi đó sẽ đạt khoảng 1.850 tỷ USD (gấp 5,5 lần năm 2020), tương đương quy mô kinh tế của Hàn Quốc, Italia, Canada, Australia, Nga... vào năm 2020 (Cán Văn Lực và cộng sự, 2021).

Hình ảnh một Việt Nam chủ động, tích cực hội nhập quốc tế đã liên tục được củng cố nhờ chủ trương đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa. Từ bước chập chững ban đầu khi gia nhập ASEAN năm 1995, Việt Nam đã trở thành thành viên có đóng góp tích cực của: Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), là đối tác chiến lược và đối tác toàn diện của 30 nước, trong đó có tất cả các nước lớn ở châu Á - Thái Bình Dương và 5 nước Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc. Việt Nam được tin nhiệm lựa chọn là nơi tổ chức nhiều hội nghị quan trọng có tầm cỡ khu vực và toàn cầu. Cho tới nay, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 187 nước, trong đó có tất cả các nước lớn, có quan hệ kinh tế với hơn 220 thị trường nước ngoài, và có trên 70 quốc gia và vùng lãnh thổ công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường (Phạm Bình Minh, 2021).

Với thế và lực đang ngày càng được nâng cao, Việt Nam cho thấy đủ sức gánh vác trách nhiệm lớn hơn trên trường quốc tế. Đặc biệt, làm tốt việc tham gia quản trị toàn cầu sẽ hỗ trợ ứng phó với những thách thức đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước cũng như các thách thức toàn cầu mà Việt Nam cũng đang phải đối mặt. Ngoài ra, tận dụng tốt cơ chế quản trị toàn cầu sẽ mở ra các kênh khác nhau để thúc đẩy các vấn đề Việt Nam có lợi ích với sự tham gia đa dạng hơn các chủ thể với cách thức giải quyết, không chỉ bó hẹp trong phạm vi cơ chế giải quyết truyền thống.

4.3.2. Thách thức

a) Thách thức khách quan

Là một thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, cũng như các quốc gia trên thế giới, Việt Nam cũng phải đối mặt với các thách thức toàn cầu. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song hòa bình và an ninh quốc tế đang đứng trước nhiều thách

thức, nhất là khi cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức phức tạp và gay gắt hơn, làm gia tăng rủi ro đối với môi trường kinh tế, chính trị, an ninh quốc tế. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng cũng đang chịu thách thức bởi sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn và sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Luật pháp quốc tế và các thể chế đa phương toàn cầu cũng đứng trước những thách thức lớn. Cục diện thế giới tiếp tục biến đổi theo xu hướng đa cực, đa trung tâm; các nước lớn vẫn hợp tác, thỏa hiệp, nhưng đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau gay gắt hơn. Chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa thực dụng trong quan hệ quốc tế gia tăng (Hữu Nghĩa, 2021). Các nước đang phát triển, nhất là các nước nhỏ đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới.

Đại dịch Covid-19 cũng là nhân tố làm bộc lộ những yếu điểm của hệ thống quản trị toàn cầu, đe dọa sự phát triển bền vững của xã hội (Security Council Summit, 2020). Diễn biến phức tạp và những tác động kéo dài của đại dịch Covid-19 cho thấy, thế giới dễ bị tổn thương và làm nổi lên những thách thức vốn bị lãng quên trong nhiều thập kỷ như hệ thống y tế còn bất cập, những hạn chế trong bảo trợ xã hội, bất bình đẳng, suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu... Đại dịch cũng ảnh hưởng nghiêm trọng đến hợp tác đa phương, gây ra những căng thẳng về chính trị, xu thế vị kỷ, thậm chí lợi dụng đại dịch như một công cụ để kích động phân biệt đối xử.

Các định chế toàn cầu như Liên Hợp Quốc và các tổ chức thuộc Liên Hợp Quốc, Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF)... không phải là “nhất thành, bất biến”, cơ chế hoạt động của các định chế này luôn cần đổi mới, cập nhật cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của “cái toàn cầu”.

b) Thách thức chủ quan

Quản trị toàn cầu là một khái niệm và một sân chơi còn khá mới, xa lạ với nhiều người. Bên cạnh đó, nguồn nhân lực còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới trong giai đoạn mới của hội nhập quốc tế, nhất là khi tham gia các cơ chế toàn cầu, đòi hỏi có đủ nguồn nhân lực vừa giỏi chuyên môn nghiệp vụ, vừa có trình độ ngoại ngữ và đặc biệt phải có khả năng dẫn dắt để có thể tối đa hóa sự tham gia và vai trò của Việt Nam trong quản trị toàn cầu.

Cơ sở hạ tầng còn yếu, nguồn lực còn thiếu và hành lang pháp lý chưa hoàn chỉnh cho việc tham gia sâu rộng vào quản trị toàn cầu nhằm vừa bảo vệ lợi ích cho các chủ thể của Việt Nam khi tham gia quản trị toàn cầu, vừa phù hợp luật pháp quốc tế và các điều ước, cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia.

5. Kiến nghị một số đổi sách của Việt Nam

Theo nhận định của The Diplomat, Việt Nam đang nổi lên như một cường quốc tầm trung và ngày càng có tiếng nói trong các vấn đề quốc tế, có khả năng tham gia xây dựng lại hệ thống quản trị toàn cầu đã bị tê liệt (Phuong Pham, 2021).

Tham gia vào quản trị toàn cầu là một phần trong quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam. Để có thể “chủ động, tích cực” tham gia quản trị toàn cầu và “tối đa hóa lợi ích” từ việc tham gia quản trị toàn cầu mang lại, chúng tôi kiến nghị một số nhóm giải pháp sau:

5.1. Nhóm giải pháp về chủ trương, chính sách

a) Về chính trị

Trước hết, cần chú trọng đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức trong mọi tầng lớp nhân dân về quản trị toàn cầu và những cơ hội mang lại khi chủ động nắm bắt và tham gia.

Cần tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách liên quan đến các vấn đề ta có lợi ích, có thể tranh thủ, đẩy mạnh giải quyết thông qua quản trị toàn cầu như: bảo đảm sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư ven biển; đồng quản lý tài nguyên và môi trường biển dựa vào cộng đồng; khuyến khích bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái biển để tạo nên những hệ sinh thái tự nhiên vùng bờ quan trọng cho môi trường biển... Trong bối cảnh hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, tham gia quản trị toàn cầu cần huy động tối đa, đa dạng hoá lực lượng tham gia, nhất là phát huy vai trò của các tổ chức chính trị xã hội, doanh nghiệp, nghiệp đoàn, đặc biệt là các nhân vật có sức ảnh hưởng lớn trong cộng đồng (KOLs).

Cùng với đó, cần tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chiến lược đối ngoại đa phương, phát huy vai trò của Việt Nam tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN, Liên Hợp Quốc, APEC, hợp tác tiểu vùng Mekong và các khuôn khổ hợp tác khác cũng như trong những vấn đề quan trọng có tầm chiến lược, phù hợp với yêu cầu, khả năng và điều kiện cụ thể của đất nước bởi các thể chế đa phương có vai trò thiết yếu trong xử lý các vấn đề toàn cầu một cách bền vững (Bùi Thanh Sơn, 2021a). Chủ động tham gia xử lý các vấn đề quốc tế và khu vực. Chủ động tham gia, tích cực đóng góp, nâng cao vai trò của Việt Nam trong xây dựng, định hình các thể chế đa phương và trật tự chính trị - kinh tế quốc tế, tham gia vào việc đổi mới, cải tổ, cải cách hay thiết lập các định chế toàn cầu và khu vực; đóng góp nhiều hơn vào xây dựng “luật chơi”, coi đây là lợi ích quan trọng của quốc gia, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế và các hiệp định thương mại đã ký kết” (Bùi Thanh Sơn, 2021a). Tiếp tục đẩy mạnh việc vận động Việt Nam và các cá nhân tham gia ứng cử, làm việc tại các tổ chức quốc tế, xây dựng mạng lưới các nhân vật có ảnh hưởng trong dư luận hỗ trợ việc Việt Nam tham gia quản trị toàn cầu.

Thông qua hợp tác đa phương, Việt Nam cùng các quốc gia “phối hợp, linh hoạt và sẵn sàng hành động”, tìm giải pháp toàn diện ứng phó với những thách thức toàn cầu mà Việt Nam cũng đang phải đối mặt, trong đó có việc tăng cường khả năng sẵn sàng ứng phó với các rủi ro an ninh do đại dịch Covid-19 gây ra.

b) Về kinh tế

Để tích cực, chủ động tham gia quản trị toàn cầu trong lĩnh vực kinh tế, cần tiếp tục triển khai có hiệu quả chủ trương chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là

Nghị quyết 06 của Ban Chấp hành Trung ương về việc “Thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”; “Chiến lược tổng thể về hội nhập quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” và các cam kết quốc tế, trọng tâm là các cam kết trong Cộng đồng Kinh tế ASEAN, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Tổ chức Thương mại thế giới (Nguyễn Phú Trọng, 2018) và các thỏa thuận thương mại tự do song phương mà Việt Nam đã ký kết với các nước, trong đó có Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA)...

Bên cạnh đó, cần tiếp tục khai thác tối đa những cơ hội mà Việt Nam tham gia các cam kết, thỏa thuận kinh tế quốc tế, các hiệp định thương mại tự do đa phương mang lại. Đẩy mạnh việc học tập, chia sẻ kinh nghiệm với các nước về mô hình phát triển, về hợp tác đầu tư, tranh thủ các nguồn lực, trong đó, có viện trợ không hoàn lại, đầu tư trực tiếp nước ngoài, tạo những đột phá mở đường vào các thị trường khác nhau. “Vừa mở thị trường cho đất nước, vừa áp dụng, tiếp thu những công nghệ mới nhất của cách mạng công nghiệp 4.0 vào trong quá trình chuyển đổi số và phát triển bền vững của Việt Nam trong thời gian tới” (Bùi Thanh Sơn, 2021b).

Tiến trình chủ động, tích cực hội nhập quốc tế đã đưa Việt Nam trở thành bộ phận cấu thành của chính thể thế giới, do vậy cần xác định việc giành lấy vị trí, vai trò ngày càng đáng kể trong nền kinh tế thế giới bằng cách phấn đấu giành chỗ đứng trong các chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu; chuỗi quản trị toàn cầu, ưu tiên thúc đẩy phát triển nhanh các ngành kinh tế số và công nghiệp 4.0.

Phát huy mạnh mẽ vai trò của các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình sở hữu, chủ động tham gia vào các liên kết kinh tế, chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị mà các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mang lại. Từng bước hình thành năng lực sản xuất quốc gia mới có tính tự chủ và khả năng chống chịu hiệu quả các cú sốc từ bên ngoài (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021b, t.1), nhất là khi các chuỗi sản xuất đang bị đứt gãy, gián đoạn do tác động của đại dịch Covid-19 như hiện nay. Hỗ trợ hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân có sức mạnh và thương hiệu quốc gia, quốc tế, đồng thời thúc đẩy các doanh nghiệp vừa và nhỏ, khu vực nông nghiệp nông thôn, các công ty khởi nghiệp (Nhóm PV, 2021).

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia quản trị toàn cầu, theo hướng khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nhiều hơn cho nghiên cứu và phát triển, các công ty có vốn nước ngoài mở các cơ sở nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam, cải thiện thủ tục hành chính, nghiên cứu các biện pháp để những ý tưởng đổi mới, sáng tạo của cá nhân, của doanh nghiệp được chuyển thành sản phẩm... (Đức Tuân, Hà Văn, 2021).

c) Về văn hóa - xã hội

Cần đẩy mạnh quảng bá lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ Việt Nam ra thế giới; bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản thiên nhiên, công viên địa chất, công viên sinh thái, di sản văn hóa thế giới, cả vật thể lẫn phi vật thể; khẳng định các giá trị xã hội và truyền thống tốt đẹp, bản sắc Việt Nam; tích cực tham gia sáng tạo các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật,

khoa học... có tầm ảnh hưởng quốc tế; tham gia xử lý các vấn đề nhân đạo trên trường quốc tế; tham gia đấu tranh với các hiện tượng, hoạt động phi văn hóa, phản văn hóa, chống lại nhân loại... Chú trọng việc nhân rộng và phát huy “sức mạnh mềm” của đất nước, cạnh tranh về “sức mạnh mềm” trên trường quốc tế.

Việt Nam cần có cách tiếp cận mới đối với các phương tiện truyền thông xã hội, không chỉ dừng ở chỗ coi là đối tượng quản lý (Nguyễn Mạnh Hùng, 2021). Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, phương tiện truyền thông xã hội trở thành một hiện tượng văn hóa, một kênh thông tin, tính hai mặt của các phương tiện truyền thông xã hội ngày càng được thể hiện rõ: trong quảng bá văn hóa và “xâm lăng” văn hóa, lan tỏa các giá trị xã hội và làm xói mòn các giá trị xã hội, phát huy “sức mạnh mềm” và cả hạn chế “sức mạnh mềm” của các quốc gia, phát triển ổn định xã hội và gây bất ổn xã hội... vì vậy, cần có lộ trình phù hợp vừa bảo đảm độc lập, tự chủ, vừa hội nhập quốc tế thành công.

5.2. Nhóm giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực

Để tham gia quản trị toàn cầu có hiệu quả, điều cốt yếu là xây dựng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đặt ra trong tham gia quản trị toàn cầu, coi đầu tư phát triển nguồn nhân lực là một trong ba đột phá chiến lược (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021a). Đặc biệt tập trung nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý; phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành; chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, nhân lực số, nhân lực quản trị công nghệ, quản lý xã hội có trí tuệ, năng lực chuyên môn, phong cách chuyên nghiệp, hiện đại, sáng tạo, nhạy bén, có tinh thần chủ động tiến công để “có suy nghĩ và hành động vượt tầm quốc gia, đạt tới tầm khu vực và quốc tế” (Nguyễn Phú Trọng, 2018). Cùng với đó, nâng cao trình độ, kỹ năng và phong cách của công dân thời đại mới, công dân toàn cầu để có thể triển khai chủ trương “để người Việt Nam vào làm việc trong các cơ quan Liên Hợp Quốc, diễn đàn, tổ chức đa phương” theo tinh thần Chỉ thị 25-CT/TW ngày 10/9/2021.

Quá trình hội nhập quốc tế luôn nảy sinh những tranh chấp, ngoài những cơ chế quốc tế phổ biến, thế giới còn có những cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế mang tính khu biệt, chuyên ngành mà Việt Nam chưa có nhiều kinh nghiệm. Do đó, vấn đề đặt ra là nâng cao năng lực phòng, chống, xử lý, giải quyết những tranh chấp quốc tế, gắn với đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên sâu về các lĩnh vực này cũng như về ngoại ngữ. Ngoài ra, cần đẩy mạnh việc liên kết các cơ sở nghiên cứu trong nước với các chuyên gia, nhà khoa học người Việt Nam ở nước ngoài, nhằm tranh thủ nguồn lực nhân tài Việt Nam đang làm việc ở các đại học, các viện nghiên cứu lớn trên thế giới.

5.3. Nhóm giải pháp về phát triển hạ tầng

Sự phát triển mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp 4.0 đã tạo ra xu hướng phát triển của quản trị toàn cầu trong lĩnh vực chuyển đổi số. Do vậy, để có thể chủ động tham gia, cần chú trọng đầu tư hạ tầng cho chuyển đổi số quốc gia như Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã xác định, coi đây là trọng tâm ưu tiên thực hiện từ nay đến 2030, tầm nhìn 2045.

Việt Nam cần đi tiên phong trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số. Theo đó, Việt Nam sẽ ưu tiên đẩy mạnh: “Ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện quyết liệt chuyển đổi số, xây dựng nền kinh tế số, xã hội số, kích cầu đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng quy mô lớn, thúc đẩy tiêu dùng nội địa, giải quyết việc làm” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021b, t.1, tr.213).

Bên cạnh cơ sở hạ tầng về công nghệ, khoa học, Việt Nam cũng cần ưu tiên đẩy mạnh phát triển hạ tầng cung ứng và phân phối để hội nhập tốt hơn trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, nhất là hệ thống hạ tầng giao thông ở các vùng kinh tế trọng điểm và những vùng còn khó khăn, tăng cường năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu. Phát triển hài hòa hệ thống hạ tầng kinh tế, xã hội; thúc đẩy phát triển hạ tầng số, kết nối các phương thức vận tải, hậu cần; phát triển đô thị và kinh tế đô thị (Minh Duyên, 2021).

Ngoài ra, việc ưu tiên đầu tư mạnh mẽ cơ sở hạ tầng giao thông là bước chuẩn bị cho Việt Nam tham gia quản trị toàn cầu về phát triển du lịch dịch vụ chăm sóc sức khỏe quốc tế; đưa Việt Nam trở thành trung tâm sản xuất phụ trợ, đào tạo về dịch vụ hàng không của khu vực và thế giới (Nhóm PV, 2021). Bên cạnh đó cần có chính sách hỗ trợ cho các công ty khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ tham gia quản trị toàn cầu (Bạch Thị Thanh Hà, 2017).

5.4. Nhóm giải pháp về tài chính

Cần có chính sách và phân bổ ngân sách, tài chính cho việc tham gia quản trị toàn cầu, nhất là các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có nhiệm vụ tham gia quản trị toàn cầu. Chọn điểm một số lĩnh vực ưu tiên trong mở rộng tham gia quản trị toàn cầu để hỗ trợ đầu tư ngân sách, như quản trị toàn cầu trong lĩnh vực công nghệ, thương mại điện tử, thương mại số, điện toán đám mây, in 3D, robot tiên tiến, cảm biến, ứng dụng dữ liệu lớn, đặc biệt là việc xây dựng mạng lưới các nhân vật có ảnh hưởng trong cộng đồng, trên thế giới...

Bên cạnh đó, cần lên kế hoạch, xây dựng chiến lược tài chính, tổ chức và thực hiện chỉ đạo, kiểm soát các hoạt động về tài chính của các đơn vị tham gia quản trị toàn cầu nhằm bảo đảm tính hiệu quả trong triển khai. Cần tranh thủ tối đa các nguồn lực cho việc thực hiện quản trị toàn cầu, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức xã hội, cá nhân tham gia quản trị toàn cầu xã hội hóa nguồn lực tài chính.

Tích cực chuẩn bị hạ tầng cho việc tham gia quản trị toàn cầu trong lĩnh vực tài chính bằng cách hoàn thiện và thực thi có hiệu quả các chiến lược và thể chế pháp luật trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng. Đề chủ động trong tham gia quản trị toàn cầu trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, cần chú trọng phổ cập kiến thức tài chính, nâng cao nhận thức của người dân khi sử dụng các dịch vụ tài chính số và phát triển tài chính xanh, như là một trụ cột trong Chiến lược tài chính toàn diện đến năm 2030. Tăng cường phân cấp quyền và trách nhiệm, đề cao trách nhiệm vật chất, sử dụng có hiệu quả đòn bẩy kinh tế. Gia tăng thẩm quyền, trách nhiệm cho từng bộ phận, từng thành viên, tạo sự đồng thuận trong quản trị tài chính và nâng cao hiệu năng quản trị của toàn bộ hệ thống (Đỗ Phương Thảo và cộng sự, 2021).

6. Kết luận

Trước những thách thức từ hệ thống quan hệ quốc tế, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, chủ nghĩa đa phương, các vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống... quản trị toàn cầu hiện nay đang chịu sức ép vô cùng lớn. Những tác động xuất phát từ nền quản trị toàn cầu vốn đang phải đối mặt với những bất lợi cũng gây không ít khó khăn cho các quốc gia trong quá trình giải quyết các vấn đề toàn cầu. Với chủ trương tham gia vào quản trị toàn cầu gắn liền với hội nhập quốc tế, Việt Nam cần tận dụng cơ hội lớn khi Việt Nam đang có vị thế, cơ đồ tiềm lực ngày càng được nâng cao. Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội cùng hình ảnh một đất nước tích cực chủ động hội nhập quốc tế đang gia tăng trên trường quốc tế cũng là cơ hội để Việt Nam chứng tỏ khả năng đóng góp vào nền quản trị toàn cầu. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng cần chú ý đến những thách thức khách quan từ môi trường quốc tế phức tạp, các tổ chức quốc tế liên tục cải tổ để thích nghi và những thách thức chủ quan như cơ sở hạ tầng còn yếu, nguồn lực còn thiếu và hành lang pháp lý chưa hoàn chỉnh.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021a), *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021b), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. *Hồ Chí Minh toàn tập*, t.5, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 2011, Hà Nội.
8. Benedict K. (2001), “Global governance”, *International Encyclopedia of the Social & Behavioral Sciences*, Elsevier, Amsterdam.
9. Diane Stone (2008), “Global public policy, transnational policy communities and their networks”, *Policy Studies Journal*, Vol. 6, Issue 1.
10. Grigoryev, L., & Kurdin, A. (2013), *Mechanisms of global governance: Economic analysis* [In - Russian]. *Voprosy Ekonomiki*, (7).
11. Leonid Grigoryev Adrian Pabst Editors (2020), *Global Governance in Transformation Challenges for International Cooperation*, Springer.
12. Pawel Zaleski (2006), *Global nongovernmental administrative system, Geosociology of the Third Sector*. In: Gawin Dariusz, Glinski Piotr (ed.). *Civil society in the making*, Warszawa: IFiS Publishers.

13. Thomas G. Weiss, Ramesh Thakur, *The UN and Global governance: An idea and its prospects*, Indiana University Press (forthcoming).
14. Minh Duyên (2021), “23 chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025”, <https://dangcongsan.vn/thoi-su/23-chi-tieu-chu-yeu-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-5-nam-2021-2025-586066.html>, truy cập ngày 22/7/2021.
15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), “Chương trình xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)”, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xi/cuong-linh-xay-dung-dat-nuoc-trong-thoi-ky-qua-do-len-chu-nghia-xa-hoi-bo-sung-phat-trien-nam-2011-1528>, truy cập ngày 24/9/2015.
16. Bạch Thị Thanh Hà (2017), “Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp”, <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/chinh-sach-ho-tro-doanh-nghiep-khoi-nghiep-48131.htm>, truy cập ngày 24/6/2017.
17. Nguyễn Mạnh Hùng (2021), “Về hội nhập quốc tế và tham gia tiến trình toàn cầu hóa của Việt Nam”, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/821539/ve-hoi-nhap-quoc-te-va-tham-gia-tien-trinh-toan-cau-hoa-cua-viet-nam.aspx>, truy cập ngày 18/02/2021.
18. Cấn Văn Lực và Nhóm tác giả Viện Đào tạo và Nghiên cứu BIDV (2021), “Hình hài Việt Nam 2045 sẽ như thế nào?”, <https://dangbo.hcmute.edu.vn/tin-tuc/hinh-hai-viet-nam-nam-2045-se-nhu-the-nao/>, truy cập ngày 15/3/2021.
19. Phạm Bình Minh (2021), “Đổi ngoại Việt Nam 2020: Bản lĩnh và tâm thế mới”, <http://baochinhphu.vn/Doi-ngoai/Doi-ngoai-Viet-Nam-2020-Ban-linh-va-tam-the-moi/418602.vgp>, truy cập ngày 23/10/2021.
20. Lê Hữu Nghĩa (2021), “Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong tình hình mới”, <https://nhandan.vn/tin-tuc-su-kien/kien-dinh-muc-tieu-doc-lap-dan-toc-va-chu-nghia-xa-hoi-trong-tinh-hinh-moi-646825/>, truy cập ngày 20/5/2021.
21. Nhóm PV (2021), “Tổng thuật: Việt Nam 2045: Bức tranh đẹp ai cũng có cơ hội đặt nét vẽ lên” <https://baochinhphu.vn/Utilities/PrintView.aspx?distributionid=424974>, truy cập ngày 6/3/2021.
22. Lê Minh Quân (2011), “Vài nét về quản trị toàn cầu”, <https://vjol.info.vn/index.php/ssir/article/view/7333/6857>, truy cập ngày 15/10/2021.
23. Bùi Thanh Sơn (2021a), “Phát huy vai trò đổi ngoại phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, <https://dangcongsan.vn/tieu-diem/phat-huy-vai-tro-doi-ngoai-phuc-vu-su-nghiep-phat-trien-dat-nuoc-vi-muc-tieu-dan-giau-nuoc-manh-dan-chu-cong-bang-van-minh-582594.html>, truy cập ngày 8/6/2021.
24. Bùi Thanh Sơn (2021b), “4 ưu tiên về ngoại giao của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Bùi Thanh Sơn”, <https://cand.com.vn/thoi-su/4-uu-tien-ve-ngoai-giao-cua-Bo-truong-Bo-Ngoai-giao-Bui-Thanh-Son-i601897/>, truy cập ngày 8/4/2021.
25. Nguyễn Việt Thảo (2007), “Quản lý toàn cầu trong thế giới toàn cầu hóa”, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/1727/quan-ly-toan-cau-trong-the-gioi-toan-cau-hoa.aspx>, truy cập ngày 18/5/2020.
26. Đỗ Phương Thảo, Nguyễn Ngọc Khánh Linh, Nguyễn Minh Nhật Linh (2021), “Nâng cao hiệu quả quản trị tài chính doanh nghiệp trong bối cảnh đại dịch COVID-19”, <https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/nang-cao-hieu-qua-quan-tri-tai-chinh-doanh-nghiep-trong-boi-can-h-dai-dich-covid19-334403.html>, truy cập ngày 5/6/2021.

27. Nguyễn Phú Trọng (2018), “Toàn văn phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị ngoại giao 30”, <https://baoquocte.vn/toan-van-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-tai-hoi-nghi-ngoai-giao-30-76033.html>, truy cập ngày 13/8/2018.
28. Nguyễn Phú Trọng (2020), “Chuẩn bị và tiến hành thật tốt Đại hội XIII của Đảng, đưa đất nước bước vào một giai đoạn phát triển mới”, <https://nhandan.vn/tin-tuc-su-kien/chuan-bi-va-tien-hanh-that-tot-dai-hoi-xiii-cua-dang-dua-dat-nuoc-buoc-va-o-mot-giai-doan-phat-trien-moi-615015/>, truy cập ngày 31/8/2020.
29. Nguyễn Phú Trọng (2021), “Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng”, https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/bao-cao-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xii-ve-cac-van-kien-trinh-dai-hoi-xiii-cua-dang, truy cập ngày 26/01/2021.
30. Đức Tuấn - Hà Văn (2021), “Hết lòng, hết sức vì đất nước, vì nhân dân”, <https://mpm.chinhphu.vn/hoat-dong/het-long-het-suc-vi-dat-nuoc-vi-nhan-dan-20614.html>, truy cập ngày 22/7/2021.
31. Coase, R.H. (1937), *The Nature of the Firm. Economica*, 4, 386-405. <http://dx.doi.org/10.1111/j.1468-0335.1937.tb00002.x>, truy cập ngày 23/10/2021.
32. Global Challenges Foundation, “What is Global Governance”, <https://globalchallenges.org/global-governance/>, truy cập 25/3/2021.
33. James N. Rosenau (2005), *Toward an ontology for global governace (The Study of World Politics)*, <https://www.taylorfrancis.com/chapters/mono/10.4324/9780203087787-23/toward-ontology-global-governance-james-rosenau?context=ubx&refId=2dcb3919-81a3-43bf-951d-918cd49a5464>, truy cập ngày 23/10/2021.
34. Oliver E. Williamson (1987), *Transaction cost economic: The comparative contracting perspective*, <https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/0167268187900382>, truy cập ngày 23/10/2021.
35. Phuong Pham (2021), “Vietnam Should be More Proactive in Global Governance”, <https://thediplomat.com/2021/03/vietnam-should-be-more-proactive-in-global-governance/>, truy cập ngày 30/3/2021.
36. Saba Riazati (2006), “A Closer look: Professor seeks stronger UN”, <https://dailybruin.com/2006/10/17/17/a-closer-look-professor-seeks>, truy cập ngày 18/10/2020.
37. “Security Council Summit on Post-COVID-19 Global Governance”, <https://www.securitycouncilreport.org/whatsinblue/2020/09/security-council-summit-on-post-covid-19-global-governance.php>, truy cập ngày 23/9/2020.